

PHỤ LỤC III**DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN KHÔNG ĐƯỢC GIẢM THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG***(Kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)***A. Hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ**

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung	Mã số HS (áp dụng đối với hàng hóa tại khâu nhập khẩu)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						261002 2	Card âm thanh, hình ảnh, mạng và các loại card tương tự dùng cho máy xử lý dữ liệu tự động		8471.80.70 84.73
						261002 3	Thẻ thông minh	“Thẻ thông minh” nghĩa là thẻ được gắn bên trong một hoặc nhiều mạch điện tử tích hợp (chip vi xử lý, bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên hoặc bộ nhớ chỉ đọc ở dạng chip). Thẻ này có thể gồm: bộ phận tiếp điện, dải từ tính	8523.52.00

								hoặc ăngten gắn bên trong hay không	
		262	2620	26200			Máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính		
					262001		Máy tính; Bộ phận và phụ tùng của chúng		*
						2620011	Máy xử lý dữ liệu xách tay không quá 10 kg, như máy tính xách tay; Máy hỗ trợ cá nhân kỹ thuật số và máy tính tương tự	Gồm ít nhất một đơn vị xử lý dữ liệu trung tâm, một bàn phím và một màn hình. Gồm: Máy tính nhỏ cầm tay gồm: máy tính mini và sổ ghi chép điện tử kết hợp với máy tính (PDAs); máy tính xách tay, kể cả notebook và subnotebook; máy xử lý dữ liệu tự động không quá 10kg có thể xách tay, cầm tay khác	8471.30.20; 8471.30.90 8470.10.00 8470.21.00 8470.29.00 8470.30.00
						2620012	Máy bán hàng, ATM và các máy tương tự có thể		*

							kết nối với máy hoặc mạng xử lý dữ liệu		
						262001 3	Máy xử lý dữ liệu tự động kỹ thuật số, gồm: ở trong cùng 1 vỏ: có ít nhất 1 đơn vị xử lý trung tâm và 1 đơn vị đầu ra, đầu vào, không tính đến có kết hợp hay không	Gồm: Máy tính cá nhân (PC), trừ máy tính xách tay ở trên; máy xử lý dữ liệu tự động khác (trừ dạng hệ thống)	8471.41.10 8471.41.90
						262001 4	Máy xử lý dữ liệu tự động kỹ thuật số thể hiện ở dạng hệ thống		8471.49.10 8471.49.90
						262001 5	Bộ xử lý (trừ mã 2620013 và 2620014) có hoặc		8471.50.10 ; 8471.50.90

							không chứa trong cùng vỏ 1 hoặc 2 loại thiết bị sau: bộ lưu trữ, bộ nhập, bộ xuất		
						262001 6	Máy quét, máy in có thể kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động	Gồm: Máy quét có thể kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động (trừ máy phối hợp nhiều chức năng: in, quét, copy, fax); hệ thống nhận dạng vân tay điện tử; máy in kim có thể kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động; máy in laze có thể kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động; máy in khác có thể kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động; máy vẽ có thể kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động	84.71.60 8471.90 84.43
						262001 7	Bộ nhập hoặc bộ xuất khác (trừ máy scan, máy in) có hoặc	Gồm: Bàn phím máy tính; thiết bị nhập theo tọa độ x-y: chuột, bút quang, cần điều khiển, bi xoay và màn hình cảm ứng; thiết bị	8471.60.30 8471.60.40 8471.60.90

							không chứa bộ lưu trữ trong cùng một vỏ	ngoại vi nhập, xuất khác	
						262001 8	Màn hình và máy chiếu, chủ yếu sử dụng trong hệ thống xử lý dữ liệu tự động	Màn hình, máy chiếu sử dụng với máy tính Gồm: Màn hình sử dụng ống đèn hình tia catốt, dùng cho hệ thống xử lý dữ liệu tự động; màn hình khác (trừ loại ống đèn hình tia catốt), dùng cho hệ thống xử lý dữ liệu tự động; máy chiếu, dùng cho hệ thống xử lý dữ liệu tự động	8528.42.00 ; 8528.52.00 ; 8528.62.00
						262001 9	Máy kết hợp từ hai chức năng trở lên: in, quét, copy, fax có thể kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động hoặc kết nối mạng	Gồm: Máy in-copy, in bằng công nghệ in phun có thể kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động hoặc kết nối mạng; máy in-copy, in bằng công nghệ laser có thể kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động hoặc kết nối mạng; máy in-copy-fax kết hợp có thể kết nối với máy xử lý dữ liệu tự	8443.31

								động hoặc kết nối mạng; máy kết hợp từ hai chức năng trở lên: in, quét, copy, fax có thể kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động hoặc kết nối mạng	
					262002		Ổ lưu trữ và các thiết bị lưu trữ khác		84.71 85.23
						2620021	Ổ lưu trữ	Gồm: Ổ đĩa cứng; ổ đĩa mềm; ổ băng; ổ đĩa quang, kể cả ổ CD-ROM, DVD, ổ CD có thể ghi; bộ lưu trữ khác	8471.70
						2620022	Thiết bị lưu trữ thông tin bán dẫn không xóa	Sản phẩm lưu trữ bán dẫn không bị xóa dữ liệu khi không còn nguồn điện cung cấp. Ví dụ: thẻ nhớ flash hoặc thẻ lưu trữ điện tử flash	8523.51
					262003	2620030	Loại khác của máy xử lý dữ liệu tự động	Ví dụ: máy đọc mã vạch, máy đọc ký tự quang học, bộ điều khiển và bộ thích ứng...	8471.90
					262004	2620040	Bộ phận và các phụ tùng		*

							của máy tính		
					26200 5	262005 0	Dịch vụ sản xuất máy vi tính, các bộ phận lắp ráp và thiết bị ngoại vi của máy vi tính		
		263	2630	2630 0			Thiết bị truyền thông		85.25
					26300 1		Thiết bị truyền dẫn dùng cho phát thanh vô tuyến hoặc truyền hình; Máy quay truyền hình		85.25
						263001 1	Thiết bị phát dùng cho phát thanh vô tuyến hoặc truyền hình		8525.50.00

						263001 2	Thiết bị phát có gắn với thiết bị thu dùng cho phát thanh vô tuyến hoặc truyền hình		8525.60.00
						263001 3	Camera truyền hình		8525.80.40
					26300 2		Thiết bị điện dùng cho hệ thống đường dây điện thoại hoặc dây điện báo; Hệ thống thông tin điện tử		84.71 85.17
						263002 1	Máy điện thoại hữu tuyến; Bộ điện thoại hữu tuyến với điện thoại cầm tay		8517.11.00

							không dây		
						263002 2	Điện thoại di động phô thông		8517.12.00
						263002 3	Điện thoại thông minh (Smart phone)		8517.12.00
						263002 4	Máy tính bảng (Tab)		8471.30.90
						263002 5	Đồng hồ thông minh		8517.62
						263002 9	Thiết bị khác để phát hoặc nhận tiếng, hình ảnh hoặc dữ liệu, gồm thiết bị thông tin hữu tuyến hoặc vô tuyến	Gồm: Trạm (thiết bị) thu phát gốc; máy thu, đổi và truyền hoặc tái tạo âm thanh, hình ảnh hoặc dạng dữ liệu khác, Gồm: thiết bị chuyển mạch và thiết bị định tuyến ví dụ: thiết bị phát và thu sóng vô tuyến sử dụng cho phiên dịch trực tiếp; adaptor; thiết bị chuyển mạch điện báo hay điện thoại; modem; bộ tập trung hoặc bộ	8517.61 8517.62

								dồn kênh; thiết bị mạng nội bộ không dây; thiết bị dùng cho điện báo hay điện thoại...; Thiết bị khác dùng để phát hoặc nhận tiếng, hình ảnh hoặc dữ liệu khác Sử dụng trong mạng nội bộ hoặc mạng diện rộng, trừ mã HS 8443, 8525, 8527, 8528	
					263003	2630030	Ăngten các loại và bộ phận của chúng; Bộ phận của thiết bị truyền dẫn dùng cho phát thanh vô tuyến hoặc truyền hình và máy quay truyền hình	Gồm: Ăngten các loại và bộ phận của chúng ví dụ: chảo phản xạ của ăngten, ăngten vệ tinh, ăngten lưỡng cực, bộ lọc và tách tín hiệu ăng ten, loa hoặc phễu tiếp sóng (ống dẫn sóng), bộ phận dùng cho 2630011, 2630012, 2630013 - Thiết bị truyền dẫn dùng cho phát thanh vô tuyến hoặc truyền hình; máy quay truyền hình	8525.50.00 ; 8525.60.00 8525.80 8529.10 8517.70.40
					263005		Bộ phận của máy điện thoại,		*

							điện báo;		
						263005 1	Bộ phận dùng cho 2630021 , 2630022 , 2630023 , 2630024 , 2630025 , 2630026 , 2630029 - Thiết bị điện dùng cho hệ thống đường dây điện thoại, điện báo và hệ thống thông tin điện tử		*
						263005 2	Bộ phận của chuông báo trộm hoặc báo cháy và các thiết bị tương tự		*

					26300 6	263006 0	Dịch vụ sản xuất thiết bị truyền thông		
		264	2640	2640 0			Sản phẩm điện tử dân dụng		*
					26400 1		Máy thu thanh sóng vô tuyến (radio, radio catset...)	Có hoặc không kết hợp với thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh hoặc đồng hồ trong cùng một khối	85.27
						264001 1	Máy thu thanh sóng vô tuyến có thể hoạt động không cần dùng điện bên ngoài (trừ loại dùng cho phương tiện có động cơ)	VD: Radio cát sét loại bỏ túi, máy thu có chức năng lập sơ đồ, quản lý và giám sát phổ điện tử...	8527.12.00 8527.13.10 8527.13.90 8527.19.20 8527.19.90
						264001 2	Máy thu thanh sóng vô tuyến chỉ hoạt động với nguồn		8527.21.00 8527.29.00

							điện ngoài, loại dùng cho phương tiện có động cơ		
					26400 2	264002 0	Máy thu hình (Tivi,...)		85.27 85.28.71 8528.72 8528.73
						264004 4	Thiết bị thu sóng điện thoại hoặc sóng điện báo chưa được phân vào đâu		*
					26400 5	264005 0	Bộ phận của thiết bị video và âm thanh; Dây ăngten, dây trời	Gồm: Bộ phận và các phụ tùng dùng cho 2640031, 2640032 - Thiết bị ghi và tái tạo âm thanh, thiết bị ghi và tái tạo video; Bộ phần và các phụ tùng dùng cho 2640041, 2640042, 2640043 - Micro, loa phóng thanh, các thiết bị thu sóng	*

								điện thoại hoặc điện báo; Bộ phận và các phụ tùng dùng cho 2640011,264001 2, 2640020, 2640034 - Máy thu thanh sóng vô tuyến, máy thu hình, màn hình và máy chiếu không sử dụng trong hệ thống xử lý dữ liệu tự động	
					26400 6	264006 0	Các máy và bộ điều khiển trò chơi video (trừ các máy trò chơi hoạt động bằng tiền xu, tiền giấy, thẻ ngân hàng, xèng hoặc các loại tương tự)	Được sử dụng với truyền hình hoặc có màn hình hiển thị riêng, và các trò chơi khác với màn hình hiển thị điện tử	9504.50
						265104 4	Dụng cụ và thiết bị khác (trừ máy nghiệm dao	Ví dụ: Máy đo xuyên âm, thiết bị đo độ khuếch đại, máy đo hệ số biến dạng âm thanh, máy đo	9030.40.00

							động tia catot và máy ghi dao động) dùng cho viễn thông	tạp âm, thiết bị đo khác dùng cho viễn thông...	
			2731	27310			Dây cáp, sợi cáp quang học		85.44; 9001.10
					273101		Sợi quang, bó sợi quang và cáp sợi quang		90.01
						2731011	Cáp sợi quang được làm bằng các bó sợi đơn có vỏ bọc riêng biệt từng sợi	Gồm: cáp sợi quang được làm bằng các bó sợi đơn có vỏ bọc riêng rẽ từng sợi, được sử dụng để làm cáp điện thoại, cáp điện báo và cáp chuyển tiếp vô tuyến ngầm dưới biển; Cáp sợi quang được làm bằng sợi quang riêng rẽ khác	9001.10
						2731012	Sợi quang và các bó sợi quang; cáp sợi quang (trừ loại	Gồm: sợi quang và các bó sợi quang; cáp sợi quang (trừ loại được làm các bó sợi đơn có vỏ bọc riêng biệt từng sợi) sử dụng cho	9001.10

							được làm bằng các bó sợi đơn có vỏ bọc riêng biệt từng sợi)	viễn thông hoặc cho ngành điện khác; sợi quang và các bó sợi quang; cáp sợi quang khác (trừ loại được làm các bó sợi đơn có vỏ bọc riêng biệt từng sợi)	
	63						Dịch vụ thông tin		
		631					Dịch vụ xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; cổng thông tin		
			6311	63110			Dịch vụ xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan		
					631101		Dịch vụ xử lý dữ liệu, cổng thông tin và các dịch vụ liên quan		

						631101 1	Dịch vụ xử lý dữ liệu		
						631101 2	Dịch vụ cho thuê web		
						631101 3	Dịch vụ cung cấp các ứng dụng		
						631101 9	Dịch vụ cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin		
					63110 2		Dịch vụ truyền tải		
						631102 1	Dịch vụ truyền tải video		
						631102 2	Dịch vụ truyền tải âm thanh		
					63110 3	631103 0	Dịch vụ thiết kế, tạo không gian và thời gian quảng cáo trên internet		

			6312	6312 0	63120 0	631200 0	Dịch vụ công thông tin	Gồm dịch vụ công thông tin như: dịch vụ điều hành các website sử dụng công cụ tìm kiếm để tạo lập và duy trì các cơ sở dữ liệu lớn các địa chỉ internet và nội dung theo một định dạng có thể tìm kiếm một cách dễ dàng; dịch vụ điều hành các website khác hoạt động như các công internet, như các trang báo chí, phương tiện truyền thông cung cấp các nội dung thông tin được cập nhật định kỳ	
--	--	--	------	-----------	------------	-------------	------------------------------	---	--

B. Hàng hóa công nghệ thông tin khác theo pháp luật về công nghệ thông tin

Mục	STT	Hàng hóa	Mã số HS (áp dụng đối với hàng hóa tại khâu nhập khẩu)
(1)	(2)	(3)	(4)
I		Nhóm sản phẩm máy tính, thiết bị mạng, thiết bị ngoại vi	
	01	Máy tính tiền	8470.50
	02	Máy kế toán	8470.90.20
	03	Máy đọc sách (e-reader)	8543.70.90

	04	Máy phơi bản tự động	*
	05	Máy ghi bản in CTP	*
	06	Loại khác	*
II		Nhóm sản phẩm điện tử nghe nhìn	
	01	Thiết bị truyền dẫn dùng cho phát thanh vô tuyến hoặc truyền hình, có hoặc không gắn thêm các tính năng sau: thu, ghi hoặc tái tạo âm thanh, hình ảnh; camera truyền hình, camera số và camera ghi hình ảnh nền	85.17 85.19 85.21 85.25 85.27 85.28
	02	Máy nghe nhạc số	84.71 85.19 85.27
	03	Thiết bị khuếch đại âm tần	8518.40
	04	Bộ tăng âm điện	8518.50
	05	Máy quay phim số, chụp hình số	85.25
	06	Thiết bị truyền hình cáp	*
	07	Loại khác	*
III		Nhóm sản phẩm thiết bị điện tử gia dụng	
	01	Tủ lạnh và Máy làm lạnh	84.18
	02	Máy giặt	84.50
	03	Lò vi sóng	8516.50.00
	04	Máy hút bụi	8508.11 8508.19

			8508.60
	05	Thiết bị điều hòa không khí	84.15
	06	Máy hút ẩm	8509.80.90
	07	Loại khác	*
IV		Thiết bị điện tử chuyên dùng	
	01	Thiết bị điện tử ngành y tế	*
	001	Kính hiển vi điện tử	9011.10.00 9011.20.00 9011.80.00 9012.10.00
	002	Máy xét nghiệm	*
	003	Máy siêu âm	9018.12.00
	004	Máy chụp X-quang	90.22
	005	Máy chụp ảnh điện tử	90.06
	006	Máy chụp cắt lớp	90.22
	007	Máy đo điện sinh lý	90.18
	008	Loại khác	*
	02	Thiết bị điện tử ngành giao thông và xây dựng	*
	03	Thiết bị điện tử ngành tự động hóa	*
	04	Thiết bị điện tử ngành sinh học	*
	05	Thiết bị điện tử ngành địa chất và môi trường	*
	06	Thiết bị điện tử dùng ngành điện tử	*
	07	Loại khác	*

V		Nhóm sản phẩm thiết bị thông tin viễn thông, điện tử đa phương tiện	
	01	Thiết bị dùng cho phát thanh vô tuyến hoặc truyền hình, viễn thông	85
	001	Tổng đài	*
	002	Thiết bị radar	85.26
	003	Thiết bị viba	85.17
	004	Thiết bị chuyển mạch, chuyển đổi tín hiệu	8517.62 8517.69
	005	Thiết bị khuếch đại công suất	85.18 85.43
	006	Loại khác	*
	02	Điện thoại	85.17
	001	Điện thoại di động vệ tinh	85.17
	002	Điện thoại thuê bao kéo dài	85.17
	003	Điện thoại sử dụng giao thức Internet	85.17
	004	Loại khác	85.17
	03	Các thiết bị mạng truyền dẫn	*
	001	Bộ định tuyến (Router)	8517.62 8517.69
	002	Bộ chuyển mạch (Switch)	8517.62 8517.69
	003	Bộ phân phối (Hub)	8517.62 8517.69

	004	Bộ lặp (Repeater)	8517.62 8517.69
	005	Tổng đài truy nhập (Access Point hoặc Access Switch)	8517.62 8517.69
	006	Các loại cáp đồng, cáp quang, cáp xoắn đôi, ...	85.44 90.01
	007	Thiết bị cổng, Thiết bị đầu cuối xDSL, Thiết bị tường lửa, Thiết bị chuyển mạch cổng	85.17
	008	Các thiết bị mạng truyền dẫn khác	85.17
	04	Loại khác	*
VI		Phụ tùng và linh kiện phần cứng, điện tử	
	01	Bộ phận, phụ tùng của các nhóm sản phẩm phần cứng, điện tử thuộc nhóm từ Mục I đến Mục V Phần B Phụ lục này	*
	02	Các thiết bị bán dẫn, đèn điện tử, mạch điện tử và dây cáp điện	85.41 85.39 94.05 85.42 85.34 85.44
	001	Tụ điện	85.32
	002	Điện trở	85.33
	003	Cuộn cảm	85.04
	004	Đèn đi ốt điện tử (LED)	8539.50.00 94.05
	005	Các thiết bị bán dẫn	85.41
	006	Mạch in	85.34

	007	Mạch điện tử tích hợp	85.42
	008	Cáp đồng, cáp quang	85.44 90.01
	03	Loại khác	*

Ghi chú:

- Danh mục hàng hóa, dịch vụ không được giảm thuế giá trị gia tăng nêu tại Phần A Phụ lục này là một phần của Phụ lục Danh mục và nội dung hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số [43/2018/QĐ-TTg](#) ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam.
- Đối với mã số HS ở cột (10) Phần A và cột (4) Phần B Phụ lục này: Các mặt hàng không được giảm thuế giá trị gia tăng trong Chương 02 chữ số, nhóm 04 chữ số hoặc 06 chữ số bao gồm tất cả các mã hàng 08 chữ số trong Chương, nhóm đó.
- Các dòng hàng có ký hiệu (*) ở cột (10) Phần A và cột (4) Phần B Phụ lục này, thực hiện khai mã HS theo thực tế hàng hóa nhập khẩu.